

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày 23/10/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Nam.

Ông Ngô Bá Đức.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Lài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xem - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Phan Văn Minh T, sinh năm: 1991 tại tỉnh Bến Tre. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn B và bà Mai Thị N; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/5/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa:* Ông Lê Huỳnh Nhựt Th – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Người bị hại:* Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1976.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T1, xã TB, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Thị S, sinh 1971; Trú tại: Ấp V, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2/ Lê Văn M, sinh 1987; Trú tại: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3/ Mai Thị N, sinh 1966; Trú tại: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Lê Văn U, sinh năm: 1970.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2. Đoàn Văn L, sinh năm: 1965.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3. Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm: 1988.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 03/5/2019 Phan Văn Minh T đến trước cửa cơ sở đánh bóng dừa trái (thuộc Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre) phát hiện chị Nguyễn Thị N đang ngồi làm việc tại cơ sở nêu trên, T dùng dao (có đặc điểm như biên bản thu giữ) mang sẵn trong người đến kề cổ không chế chị N yêu cầu đưa tiền nếu không sẽ cắt cổ, do hoảng sợ nên chị N nói chỉ có dây chuyền đang đeo trên cổ yêu cầu T bỏ dao ra sẽ đưa dây chuyền, khi đó T chia mũi dao vào hong chị N yêu cầu đưa dây chuyền nếu không sẽ đâm, thì chị N tự bứt dây chuyền đưa cho T, mất dây chuyền rút tại hiện trường. Chiếm đoạt được dây chuyền thì T tẩu thoát, sau đó hành vi của T bị tố giác và bị cơ quan chức năng bắt giữ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 con dao dài 21.2 cm, lưỡi dao dài 11.2 cm, cán dao màu vàng dài 10cm có chữ KIWI; 01 sợi dây chuyền vàng kiểu chữ cong bị đứt, dài 49cm, trên dây chuyền có ký hiệu “ANH680”, một mặt bề đai bằng vàng có kích thước 1.5x1.2cm và 01 khoen kim loại màu vàng.

Ngày 11/7/2019 Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 có thông báo kết quả giám định số 0302/N1.19/TĐ xác định: 01 sợi dây chuyền vàng kiểu chữ cong bị đứt, dài 49cm, trên dây chuyền có ký hiệu “ANH680” có khối lượng 4.8153g vàng 14k, 15k, 16k; Một mặt bề đai có kích thước 1.5x1.2cm và 01 khoen kim loại màu vàng có khối lượng 0.9987g vàng 14k.

Ngày 17/7/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện M có kết luận số 33/KL-HĐĐG xác định tổng khối lượng vàng là 5.814g gồm vàng 14k, 15k, 16k có tổng giá trị là 1.906.992 đồng.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 23 tháng 9 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M để xét xử đối với bị cáo Phan Văn Minh T về tội “cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng, người bị hại là Nguyễn Thị N giữ

nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố; những người tham gia tố tụng khác khai nhận phù hợp với các tình tiết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phan Văn Minh T phạm tội “cướp tài sản”.

Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 điều 51, khoản 1 điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo T từ 5 đến 6 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra nên không đề cập. Đối với vật chứng con dao thái lan (có đặc điểm như biên bản thu giữ) là tài sản của bị cáo dùng làm công cụ thực hiện tội phạm, nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

- Hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nên không có ý kiến tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vì tư lợi cá nhân, nên vào khoảng 21 giờ ngày 03/5/2019 tại Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre bị cáo Phan Văn Minh T đã có hành vi dùng dao khống chế, đe dọa sẽ xâm phạm tính mạng, sức khỏe bị hại Nguyễn Thị N nhằm chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng có giá trị 1.906.992 đồng.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến thân thể, quyền tự do, tinh thần và quyền sở hữu hợp pháp của bị hại, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện nhận thức hành vi của mình là trái pháp luật và với thủ đoạn bị cáo đã thực hiện có đủ căn cứ để kết luận bị cáo đã phạm vào tội “cướp tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

huyện M truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. sau khi hành vi bị phát hiện bị cáo đã tác động gia đình hỗ trợ bồi thường, trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn mà Viện kiểm sát cũng như người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn. Tuy nhiên hành vi của bị cáo ngoài việc xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại, bên cạnh còn xâm phạm đến quyền tự do, thân thể, ảnh hưởng nghiêm trọng gây hoang man về mặt tinh thần cho bị hại, thiệt hại trên không thể đo lường được. Do đó đề nghị của Viện kiểm sát cũng như người bào chữa cho bị cáo không được chấp nhận.

Mặc dù bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có tình tiết tăng nặng, về nhân thân trước khi thực hiện hành vi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự. Nhưng với tính chất nghiêm trọng của vụ án, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, gây tâm lý hoang man cho bị hại cũng như bà con ở địa phương. Do đó cần xem xét trong quyết định hình phạt đối với bị cáo với mức hình phạt tù nghiêm khắc cách ly bị cáo với bên ngoài xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện giúp bị cáo học tập, cải tạo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần xem xét áp dụng khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự trong quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét. Đối với vật chứng là 01 con dao thái lan (có đặc điểm như biên bản thu giữ) là công cụ bị cáo dùng thực hiện tội phạm. Xét không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp

[4] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí: Bị cáo Phan Văn Minh T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm nhưng do thuộc trường hợp hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn Minh T phạm tội “cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 2 Điều 168; điểm điểm b, s khoản 1 khoản 2 điều 51, khoản 1 điều 54, điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phan Văn Minh T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giam (ngày 04/5/2019).

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét. Đối với vật chứng là 01 con dao thái lan (có đặc điểm như biên bản thu giữ) là công cụ bị cáo dùng thực hiện tội phạm, áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy.

Về nghĩa vụ chịu tiền án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phan Văn Minh T được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Dương sự;
- Lưu HS;

**TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Thanh Phong